

BẢNG TỔNG KẾT HỌC TẬP NĂM HỌC 2014 - 2015

Số thứ tự	HỌC PHẦN						Thiết kế trang phục 3	Công nghệ may trang phục 3	Hệ thống cơ sở trang phục	Tổ chức và quản lý may công nghiệp	Quản lý đơn hàng		Đồ án Thiết kế trang phục	Thực tập May trang phục 2	Thực tập Tin học ứng dụng ngành may	Thực tập Thiết kế rập		Đồ án Công nghệ may trang phục	Thực tập Công nghệ may trang phục 2	Thực tập Công nghệ may trang phục 3	Thực tập May trang phục 3	Thực tập Tốt nghiệp	TBC HỌC TẬP	KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC	XẾP LOẠI HT		KHEN THƯỞNG	GHI CHÚ
	SỐ DVHT						4	3	2	3	2		1	3	3	3		1	2	2	5	6	40					
	MSSV	Họ tên sinh viên	HỆ CHUẨN	NGÀY NGHỈ		TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ		Kỳ thi Chính	Kỳ thi Phụ		
				P	K																							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)
1	12D2040002	Trần Phạm Đăng Bình		4		6		5		8		7		8				7		8		8		7.45	75	Khá		
2	12D2040003	Nguyễn Vũ Minh Châu		1		9		9		10		9		9				10		8		8		9.05	86	XS		
3	12D2040005	Dương Thị Dung				8		7		8		9		7				10		7		8		7.88	72	Khá		
4	12D2040006	Nguyễn Thị Dung		1	1	8		8		9		9		8				8		8		7		8.38	88	Giỏi		
5	12D2040034	Phan Thị Hà Giang		1		8		7		8		9		8				6		7		7		7.78	76	Khá		
6	12D2040009	Lê Thị Minh Gương				8		7		9		9		8				7		7		7		7.58	72	Khá		
7	12D2040010	Lê Giang Châu Vĩnh Hạ				8		8		9		9		8				9		8		8		8.13	71	Giỏi		
8	12D2040013	Huỳnh Thị Kim Liên				6		7		8		8		8				10		8		7		7.85	73	Khá		
9	12D2040014	Nguyễn Thị Linh		2		7		7		8		8		7				10		7		8		7.68	75	Khá		
10	12D2040015	Nguyễn Thị Cẩm Linh		1		7		6		9		8		9				6		8		8		7.93	80	Khá		
11	12D2040016	Nguyễn Thị Nam				7		7		8		9		8				7		7		8		7.78	80	Khá		
12	12D2040017	Đỗ Văn Nay		2	1	7		6		9		9		6				7		7		7		7.70	72	Khá		
13	12D2040018	Nguyễn Thị Thủy Nga				8		8		9		9		8				10		8		7		8.20	72	Giỏi		
14	12D2040019	Phạm Thị Thảo Nguyễn		1		7		7		7		8		8				6		7		8		7.65	72	Khá		
15	12D2040020	Nguyễn Văn Nhân		2	2	6		7		8		8		6				7		7		7		7.48	74	Khá		
16	12D2040021	Trịnh Thị Nhung		1	1	7		8		8		10		8				7		7		7		7.83	75	Khá		
17	12D2040022	Võ Ngọc Băng Tâm		5		8		8		9		8		8				10		7		8		7.90	89	Khá		
18	12D2040023	Nguyễn Thị Yến Thanh		1		9		9		10		9		8				10		8		7		8.70	90	Giỏi		
19	12D2040024	Phạm Thị Thanh		2		8		8		10		10		8				8		8		8		8.28	79	Giỏi		
20	12D2040025	Nguyễn Thị Ngọc Thảo		2		7		7		8		8		7				8		8		7		7.68	72	Khá		
21	12D2040027	Nguyễn Thị Kim Thy				7		7		9		9		7				7		8		8		7.83	79	Khá		
22	12D2040028	Nguyễn Thị Huyền Trân				7		6		7		8		7				6		7		7		7.43	71	Khá		
23	12D2040029	Dương Thị Xuân Trang				6		6		6		8		7				9		7		7		7.43	71	Khá		
24	12D2040030	Nguyễn Thị Thúy Trang		1		7		7		9		8		8				7		7		8		7.58	78	Khá		
25	12D2040031	Ngô Thị Ngọc Tuyết		4		7		8		8		8		8				8		8		7		7.90	70	Khá		
26	12D2040032	Nguyễn Thị Ngọc Viên			1	7		7		8		8		8				7		7		7		7.70	74	Khá		
27	11D0080069	Nguyễn Phạm Hải Yến		6	3	6		7		6		8		7				9		4		7		6.73	65	TB Khá		

THỐNG KÊ KẾT QUẢ HỌC TẬP			
(căn cứ vào điểm trung bình chung học tập)			
Loại Xuất sắc	9 (đến 10)	SL 27 SV	% 3.7
Loại Giỏi	8 (đến cận 9)	5 SV	18.52
Loại Khá	7 (đến cận 8)	20 SV	74.07
Loại Trung bình khá	6 (đến cận 7)	1 SV	3.7
Loại Trung bình	5 (đến cận 6)	0 SV	0
Loại Yếu	4 (đến cận 5)	0 SV	0
Loại Kém	(dưới 4)	0 SV	0
Chưa đủ dữ liệu để xếp loại		0 SV	0

Ngày tháng năm 201
HIỆU TRƯỞNG

Ngày tháng năm 201
TRƯỞNG KHOA

Ngày tháng năm 201
GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

Bùi Thị Ngọc Sương